

Bản án số: **247/2022/DS-PT**

Ngày: 13-12-2022

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản
thừa kế quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Cường**

ông **Trần Quốc Cường**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2022/TLPT-DS về việc “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số 519/39 Đ Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1976. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thùy M, sinh năm 1951. Địa chỉ: Số 519/72 Đ Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn V, sinh năm 1981. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn H, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

+ Bà Mai Thị Lệ H, sinh năm 1954- Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Mai T, ông Nguyễn Đức N- Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân Đ, ông Phan Tấn S- Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 519/72 Đ Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Các ông, bà: Lê Thị T, sinh năm 1937, Nguyễn Thị N, sinh năm 1960, Nguyễn Quốc H, sinh năm 1965, Nguyễn Quốc H, sinh năm 1966, Nguyễn Quốc L, sinh năm 1969, Nguyễn Quốc T, sinh năm 1973, Nguyễn Quốc T, sinh năm 1976. Cùng địa chỉ: Tổ 4, phường N, t. phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi-
Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Văn A, sinh năm 1945. Địa chỉ: phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1950- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ C, sinh năm 1958- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Võ Thị D, sinh năm 1963- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Võ Văn T, sinh năm 1966. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi- Xin xét xử vắng mặt tất cả các phiên tòa.

+ UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Hoàng Việt P - Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh K - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Quang T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, các bản trình bày và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quang T trình bày:

Về quan hệ huyết thống: Ông bà nội ông là cụ Nguyễn Đ (*chết 1992*), cụ Trương Thị C (*chết 1940*) có ba người con chung đó là:

- Nguyễn Thị A (*chết năm 2014*), ông Nguyễn B (*cha ông, chết năm 1955*) và ông Nguyễn T (*chết năm 2015*). Ngoài 3 người con nêu trên, cụ Nguyễn Đ và cụ Trương Thị C không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú.

Cha ông là Nguyễn B, mẹ là Nguyễn Thị G (*chết năm 2018*) có ba con gồm: Nguyễn Thùy M, Nguyễn H và ông là Nguyễn Quang T. Ngoài ra cha mẹ ông không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú.

Khi còn sống, ông bà nội là cụ Nguyễn Đ, Trương Thị C có tạo lập một mảnh vườn có hai ngôi nhà cấp 4, một căn nhà ông bà nội ở, một căn nhà ông bà nội cho chú Nguyễn T ở. Nguồn gốc đất do ông bà nội mua của cụ C có số hiệu 1448, diện tích 3 sào 8 thước, thuộc tờ bản đồ số 4, CC, N, T, Quảng Ngãi vào ngày 06/11 năm Bảo Đại thứ 13. Năm 1953, ông nội Nguyễn Đ lập bản chúc thư được chính quyền địa phương chứng thực, xác nhận ngày 03/6/1953; Theo nội

dung bản chúc thư thì ông nội Nguyễn Đ chia mảnh vườn số hiệu 1448 làm hai phần và có nêu rõ: “*Một nửa mảnh vườn quy đông cho ông Nguyễn B và các con ông Nguyễn B, một nửa mảnh vườn quy Tây cho chủ Nguyễn T*”.

Tuy nhiên, đến năm 1955 cha ông là Nguyễn B chết. Mẹ ông cụ Nguyễn Thị G và các con là ba anh em các ông vẫn sinh sống tại nhà đất nêu trên cùng với ông nội Nguyễn Đ. Sau đó, mẹ ông đi bước nữa lấy chồng khác và sinh sống gần đó, ba anh em các ông qua lại sinh sống cùng mẹ và ông nội. Ba anh em lần lượt đi học, đi làm và có gia đình riêng. Ông Nguyễn Thùy M học tập và có vợ sinh sống ở Sài Gòn đến sau năm 1975 dẫn vợ về sống chung với ông nội Nguyễn Đ.

Năm 1983, thực hiện chính sách kê khai ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ thì thửa đất của ông nội ông biến động mang số hiệu 391, tờ bản đồ số 2, diện tích 1500m² cùng đứng tên 3 người trong sổ ruộng đất: ông Thùy M, bà N và chú Nguyễn T. Bà N là người gốc ở Huế được ông nội Nguyễn Đ cho thuê đất làm nhà ở nhờ, sau này bà N vào miền Nam sinh sống đã trả đất cho ông nội ông, nên tại thời điểm kê khai có tên bà N. Bà N hiện nay đã chết hay cụ thể ở đâu thì không biết.

Năm 1992, ông nội Nguyễn Đ chết, ông M cùng vợ con tiếp tục ở trên nhà đất ông nội để lại. Còn phần chú Nguyễn T được ông nội giao phần đất ở phía Tây mảnh vườn cũng đã sử dụng và chia cho các con ông T. Năm 1997 ông M kê khai và được UBND tỉnh Quảng Ngãi công nhận quyền sử dụng đất cho ông M theo Quyết định số 598/QĐ-CT ngày 28/3/1998 với diện tích 860,7m² (*đất ở 200m², đất làm kinh tế vườn 660,7m²*) thuộc 1 phần thửa 391. Lúc này ông và ông H không ai hay biết. Năm 2006, ông M được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m². Đến năm 2009, khi vợ chồng ông M tháo dỡ nhà cũ của ông nội Nguyễn Đ để làm ngôi nhà 2 tầng như hiện nay thì anh em ông mới biết ông M đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng thời gian này ông M tách thửa làm 1 ngôi nhà cấp 4A cho con gái Nguyễn Thị Mai T và chuyển nhượng 1 phần đất cho anh Nguyễn Thái B để lấy tiền làm nhà ở, hiện nay anh Nguyễn Thái B đã chuyển nhượng cho người khác và đã làm nhà ở trên đất, việc bán đất làm nhà các ông cũng không có tranh chấp hay ý kiến gì.

Hiện nay, thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3 còn lại ba thửa: Thửa 3534, diện tích 131,6m², thửa 3663, diện tích 429,2m² và thửa 3664, diện tích 138,25m² cùng tờ bản đồ số 3 phường N và được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 07/12/2009 cho ông Nguyễn Thùy M, bà Mai Thị Lệ H.

Năm 2018, vợ chồng ông M có ý định bán toàn bộ nhà đất nêu trên để mua đất khác ở nhằm xóa bỏ gốc tích, nguồn gốc đất ông bà để lại nên hai anh em ông có đơn tranh chấp gửi UBND phường N hòa giải nhưng không thành. Vì vậy nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3, phường N, thành phố Q nay là các

thửa: Thửa 3534, diện tích 131,6m², thửa 3663, diện tích 429,2m² và thửa 3664, diện tích 138,25m² cùng tờ bản đồ số 3 phường N cho ba đồng thừa kế gồm: Ông Nguyễn Thùy M, Ông Nguyễn H và ông (Nguyễn Quang T) mỗi người được hưởng 01 kỹ phần bằng nhau; ông và ông Nguyễn H yêu cầu được nhận bằng hiện vật để có đất xây nhà thờ ông bà. Đồng thời yêu cầu Tòa án tuyên hủy 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ba thửa đất nêu trên do UBND thành phố Q cấp cho ông Nguyễn Thùy M, bà Mai Thị Lệ H.

Đối với thửa đất số 3533, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,79m² ông M, bà H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thái B và ông B đã chuyển nhượng cho nhiều người khác làm nhà ở ổn định nên ông xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thùy M, bà Mai Thị Lệ H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phan Văn Việt trình bày:

Về quan hệ huyết thống, bị đơn thống nhất như nguyên đơn trình bày.

Về tài sản tranh chấp: Khi còn sống, ông bà nội là cụ Nguyễn Đ, Trương Thị C có tạo lập một mảnh vườn có hai ngôi nhà cấp 4, một căn nhà ông bà nội ở, một căn nhà ông bà nội cho chú Nguyễn T ở. Nguồn gốc đất do ông bà nội mua của ông C có số hiệu 1448, diện tích 3 sào 8 thước tờ bản đồ số 4, Chánh Lộ, Nghĩa Điền, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi vào ngày 06/11 năm Bảo Đại thứ 13.

Năm 1955 cha ông Nguyễn B chết. Đến sau năm 1975, ông nội Nguyễn Đ họp gia đình có sự chứng kiến của các cô nội thúc là Trương Gia (Huệ), anh thúc bá là Nguyễn Ngọc S, chú ruột Nguyễn T, cô ruột Nguyễn Thị A thống nhất giao lại một nửa mảnh vườn phía Đ của thửa đất cho ông trọn quyền quản lý, sử dụng vì ông là cháu đích tôn của cụ Nguyễn Đ. Từ đó, ông quản lý, sử dụng và cùng ông nội Nguyễn Đ sinh sống trên phần đất này. Còn phần chú Nguyễn T được ông nội giao phần đất ở phía Tây mảnh vườn cũng đã sử dụng và chia cho các con ông T. Năm 1974 ông lấy vợ là Mai Thị Lệ H, đến năm 1979 được sự cho phép của ông nội Nguyễn Đ, ông phá dỡ nhà cũ, làm lại nhà mới trên nền nhà cũ của ông nội. Theo chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 391, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.500m² do 03 người cùng đăng ký kê khai đứng tên là ông, bà N và chú T. Bà N người được ông nội Nguyễn Đ cho thuê đất làm nhà ở, sau này đã trả đất chuyển đi nơi khác sinh sống nên tại thời điểm kê khai có tên bà N. Bà N đi đâu không rõ, không biết còn sống hay đã chết.

Năm 1992 ông nội Nguyễn Đ chết, đến năm 1997 ông kê khai nguồn gốc theo ý nguyện của ông nội Nguyễn Đ để lại và được UBND tỉnh Quảng Ngãi nhận quyền sử dụng đất cho ông theo Quyết định số 598/QĐ-CT ngày 28/3/1998 với diện tích 860,7m² (đất ở 200m², đất làm kinh tế vườn 660,7m²) thuộc 1 phần thửa 391 có giới cận: Đ giáp thửa 390 (nhà đất ông Hà Văn V), Tây giáp phần đất còn lại của thửa 391 (nhà đất chú Nguyễn T), Nam giáp đường đi rộng 2m, Bắc giáp đường đi rộng 6m. Năm 2006, ông kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận thuộc thửa đất số

295, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m². Năm 2009 vợ chồng ông làm nhà 2 tầng và sinh sống đến ngày nay. Tại thời điểm Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vợ chồng ông làm nhà kiên cố các ông Nguyễn H, Nguyễn Quang T đều biết nhưng không ai có ý kiến hay tranh chấp gì.

Năm 2009, ông xin tách thửa đất 295 thành ba thửa: Thửa 3533, diện tích 167,79m², thửa 3534, diện tích 131,6m² và thửa 3535, diện tích 570,61m² cùng tờ bản đồ số 3 phường N, thành phố Q, được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận cùng ngày 24/6/2009. Sau đó ông chuyển nhượng thửa đất số 3533, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,79m² cho ông Nguyễn Thái B ở phường N, thành phố Q được Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi chứng thực ngày 08/10/2009. Khi ông chuyển nhượng, các ông Nguyễn H, Nguyễn Quang T cũng biết nhưng không ai tranh chấp. Tháng 12 năm 2009, ông xin tách thửa 3535, diện tích 570,61m² tờ bản đồ số 3, phường N thành 2 thửa: Thửa 3663, diện tích 429,2m² và thửa 3664, diện tích 138,25m² cùng tờ bản đồ số 3 phường N và được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 07/12/2009.

Hiện nay trên 3 thửa đất nêu trên, vợ chồng ông xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 cho vợ chồng con gái là Nguyễn Thị Mai T, Nguyễn Đức N sinh sống. Còn ngôi nhà 2 tầng vợ chồng ông đang ở và có xây dựng một bãi cho gửi giữ xe ô tô.

Nay ông Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, vợ chồng ông không đồng ý vì phần đất này ông nội Nguyễn Đ đã định đoạt giao lại cho ông là cháu đích tôn có sự chứng kiến của dòng tộc họ hàng và láng giềng. Sự việc này các ông Nguyễn Quang T và Nguyễn H đều biết và từ khi ông nội Nguyễn Đ chết đến khi ông kê khai cấp giấy chứng nhận, làm nhà, tách thửa, chuyển nhượng không ai có ý kiến và tranh chấp gì, mãi đến năm 2018 thì ông T và ông H mới gửi đơn tranh chấp với ông. Do đó đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H trình bày: Thống nhất như nội dung khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ huyết thống cũng như di sản thừa kế do cụ Nguyễn Đ và Trương Thị C để lại. Ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đ để lại cho ông được hưởng 1 phần theo quy định của pháp luật và nhận bằng hiện vật để làm nhà thờ ông bà.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Võ Văn A, Võ Văn Đ, Võ C, Võ Thị D, Võ Văn T (con của bà Nguyễn Thị Ân) cùng trình bày:

Ông bà ngoại các ông, bà là cụ Nguyễn Đ, Trương Thị C có ba người con chung là Nguyễn B, Nguyễn T và Nguyễn Thị A; các ông, bà là con của bà Nguyễn Thị A. Nguyên mảnh vườn các bên đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Đ cho ông Nguyễn Thùy M quản lý, sử dụng, việc này mẹ các ông và ông Nguyễn T đều biết và công nhận không ai tranh chấp. Sau này vợ chồng ông M, bà H kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm nhà ở kiên cố cũng không ai có tranh chấp. Nay ông Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất

ông M đang ở, các ông bà không có ý kiến hay tranh chấp gì đối với di sản cụ Nguyễn Đ để lại. Đ nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Lê Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Quốc Ho, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Quốc L, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Quốc Trì cùng trình bày:

Các ông, bà là vợ và con của ông Nguyễn T. Trước đây, cụ Nguyễn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng ông Nguyễn Thùy M sau khi cha ông M chết, mẹ ông M đi lấy chồng khác. Sau năm 1975, cụ Đ sống chung với vợ chồng ông M, bà H phụng dưỡng nên được cụ Đ giao toàn bộ mảnh vườn hiện nay cho ông M quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng, ông M cải tạo nhà ở, nâng cấp vườn và kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó làm nhà kiên cố nhưng không ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Bà Nguyễn Thị A có chồng và về nhà chồng sinh sống cũng không có ý kiến hay tranh chấp với gia đình các ông bà và gia đình ông M. Việc tranh chấp giữa ông Nguyễn Quang T, Nguyễn H và Nguyễn Thùy M không liên quan gì đến các ông bà, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mai T và bà Nguyễn Thị Xuân Đ trình bày:

Thống nhất với ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Thùy M, bà Mai Thị Lệ H. Đ nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức N và ông Phan Tấn S cùng trình bày:

Các ông là con rể của ông Nguyễn Thùy M, bà Mai Thị Lệ H nên việc định đoạt các tài sản là nhà, đất đang tranh chấp thuộc quyền của ông M, bà H. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Q, ông Nguyễn Anh Kiệt trình bày:

Năm 2009, UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất: Thửa đất số 3663, diện tích 429,2m², thửa 3534, diện tích 131,6m², thửa 3664, diện tích 138,25m², tất cả cùng tờ bản đồ số 03, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cho ông Nguyễn Thùy M, Mai Thị Lệ H; địa chỉ: Tổ 10, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ 4) là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cung cấp cho Tòa kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 28/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 74, 447, 157, 158, 165, 227, 228, 244, 266,

271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 163, 164, 166, 459, 643 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 10, 50 Luật đất đai năm 2003; khoản 5 Điều 26, 99, 100, 166, 167, 168, 188, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Pháp lệnh về thừa kế năm 1990; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ các Điều 12, 14 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T về việc yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 3533, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,79m² đã được UBND thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thùy M và bà Mai Thị Lệ H vào ngày 24/6/2009.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T đối với các yêu cầu sau đây:

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thừa đất số 295, tờ bản đồ số 3, phường N, thành phố Q nay là các thửa: Thửa 3534, diện tích 131,6m²; thửa 3663, diện tích 429,2m² và thửa 3664, diện tích 138,25m² cùng tờ bản đồ số 3 phường N, thành phố Q cho ba đồng thừa kế gồm: Ông Nguyễn Thùy M, ông Nguyễn H và ông Nguyễn Quang T mỗi người được hưởng 01 kỹ phần bằng nhau; ông Nguyễn Quang T và ông Nguyễn H yêu cầu được nhận bằng hiện vật để có đất xây nhà thờ ông bà.

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03 (ba) thửa đất gồm: 3534, 3663, 3664 cùng tờ bản đồ số 3 phường N, thành phố Q do UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thùy M, bà Mai Thị Lệ H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2022, ông Nguyễn Quang T kháng cáo yêu cầu được hưởng di sản thừa kế và hủy 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*thửa đất 3534, 3663, 3664 cùng tờ bản đồ số 3*) đã cấp cho ông Nguyễn Thùy M, bà Mai Thị Lệ H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quang T không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thừa nhận:

[1.1] Cụ Nguyễn Đ (chết 1992), cụ Trương Thị C (chết 1940); cụ Đ và cụ C có ba người con chung đó là: Bà Nguyễn Thị A (chết năm 2014), ông Nguyễn B (chết năm 1955) và ông Nguyễn T (chết năm 2015). Ngoài 3 người con nêu trên, cụ Nguyễn Đ và cụ Trương Thị C không có người con nào khác.

Ông Nguyễn B (chết năm 1955) có vợ là bà Nguyễn Thị G (chết năm 2018) và có ba người con chung; đó là: Bị đơn Nguyễn Thùy M, người liên quan Nguyễn H và nguyên đơn Nguyễn Quang T. Ngoài ra ông B, bà G không có người con nào khác.

[1.2] Nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và việc kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như việc tranh chấp:

[1.2.1] Thửa đất 295, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m² (Bản đồ năm 1993) là của cụ Nguyễn Đ và cụ Trương Thị C.

[1.2.2] Quá trình sống chung với cụ Đ; bị đơn Nguyễn Thùy M kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và được UBND tỉnh Quảng Ngãi công nhận quyền sử dụng đất cho ông M theo Quyết định số 598/QĐ-CT ngày 28/3/1998 với diện tích 860,7m² (đất ở 200m², đất làm kinh tế vườn 660,7m²); được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m² vào ngày 30/8/2006. Hiện nay, thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m² phường N đã được ông M làm đơn tách thửa và được UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gồm các thửa đất: Thửa đất số 3533 (diện tích 167,79m²), thửa đất số 3534 (diện tích đo đạc thực tế 134,2m²), thửa đất số 3663 (diện tích đo đạc thực tế 426,6m²) và thửa đất số 3664 (diện tích đo đạc thực tế 115m²) cùng tờ bản đồ số 3 phường N cùng tờ bản đồ số 3 phường N.

[1.2.3] Trên đất có 01 căn nhà do cụ Nguyễn Đ và cụ Trương Thị C xây dựng và ở cùng bị đơn Nguyễn Thùy M. Quá trình sống chung; sau khi cụ Trương Thị C chết (chết 1940), cụ Nguyễn Đ và ông Nguyễn Thùy M có sửa chữa căn nhà cũ của cụ Đ và đến năm 2009, vợ chồng bị đơn Nguyễn Thùy M và Mai Thị Lệ H phá bỏ nhà cũ, xây dựng căn nhà 2 tầng hiện nay.

[1.2.4] Đối với các tài sản, nhà và thửa đất số 3533, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,79m²; bị đơn ông M đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Thái B nên nguyên đơn không yêu cầu (rút yêu cầu khởi kiện) và các đương sự không có tranh chấp chia thừa kế.

[1.2.5] Các đương sự tranh chấp yêu cầu thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 3534 (diện tích đo đạc thực tế 134,2m²), thửa đất số 3663 (diện tích đo đạc thực tế 426,6m²) và thửa đất số 3664 (diện tích đo đạc thực tế 115m²) cùng tờ bản đồ số 3 phường N

[1.3] Ngày 03/6/1953 (sau khi cụ Trương Thị C chết- 1940) cụ Nguyễn Đ lập “*Bản chúc thư*”, có nội dung: Để lại cho ông Nguyễn B được hưởng ½ diện tích đất (hiện đang tranh chấp) và ông Nguyễn T được hưởng ½ diện tích đất tại phường N của cụ Nguyễn Đ, cụ Trương Thị C. Bản chúc thư ngày 03/6/1953, có chữ ký thống nhất của tất cả các người con là ông Nguyễn B, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị A và chứng kiến của Ủy viên kinh tế, chứng thực của Ủy ban kháng chiến địa phương.

[1.4] Sự thừa nhận của các đương sự tại các mục[1.1], [1.2]) và [1.3] nêu trên, là các tình tiết và sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định về di sản, về những người thừa kế, về di chúc ngày 03/6/1953, về quá trình quản lý sử dụng di sản và tài sản tranh chấp tại Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về tranh chấp chia thừa kế:

[2.1] Thửa đất số 3533, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,79m² đã được ông M, bà H chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thái B vào ngày 08/10/2009 (*Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất đã chỉnh lý sang tên quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thái B*); các đương sự không có tranh chấp và yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 3533, tờ bản đồ số 3.

[2.2] Đối với các thửa đất còn lại số 3534, 3663 và 3664 cùng tờ bản đồ số 3, phường N còn lại thì nguyên đơn ông Nguyễn Quang T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H yêu cầu chia di sản thừa kế theo chúc thư do cụ Nguyễn Đ lập ngày 03/6/1953.

Bị đơn ông Nguyễn Thùy M không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất số 3534, 3663, 3664; cho rằng cụ Nguyễn Đ đã tặng cho ông M toàn bộ diện tích đã chia cho cha ông là ông Nguyễn B tại “*Bản chúc thư*” ngày 03/6/1953 và ông M đã quản lý, sử dụng đất từ sau năm 1975 và quá trình sử dụng, ông M đã đăng kê khai, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm nhà ở kiên cố không ai có tranh chấp. Chứng minh việc cụ Đ đã tặng cho, ông M cung cấp văn bản “*Bản xác lập*” ngày 18/9/1997 của ông Nguyễn Thùy M, có nội dung: cụ Nguyễn Đ định đoạt lại ý chí phân ranh vườn thửa 1448 cho con trai Nguyễn T và cháu Nguyễn Thùy M mỗi người sử dụng 1/2 diện tích đất vườn của cụ Đ và bản xác lập được ông Nguyễn Ngọc S là anh thúc bá trưởng Nguyễn tộc, ông Nguyễn T, con trai trưởng của bà Nguyễn Thị A là ông Võ Văn A ký xác nhận, ông Lê Nguyên là người làm chứng và được UBND xã N chứng thực ngày 22/9/1997. Tuy nhiên, “*Bản xác lập*” ngày 18/9/1997 là do ông Nguyễn Thùy M lập ra không có chữ ký của cụ Đ (*ông M khai biên bản họp đã bị thất lạc*), không thể hiện ý chí tặng cho của cụ Nguyễn

Đ theo quy định tại Điều 722 và Điều 723 Bộ luật dân sự năm 1995 và không có chữ ký thể hiện sự thống nhất của những người được thừa kế di sản của cụ C là bà Nguyễn Thị A (*chết năm 2014*) và các con ông Nguyễn B (*chết năm 1955*) là ông Nguyễn H, ông Nguyễn Quang T. Vì vậy, “*Bản xác lập*” ngày 18/9/1997, không đủ căn cứ để tin cậy và không đủ cơ sở để xác định cụ Nguyễn Đ đã tặng cho bị đơn diện tích đất tranh như lời khai của bị đơn Nguyễn Thùy M và “*Bản xác lập*” ngày 18/9/1997.

Mặt khác, “*Bản chúc thư*” ngày 03/6/1953 do cụ Nguyễn Đ lập ra có sự thống nhất của ông Nguyễn B, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị A (*là những người thừa kế tài sản của cụ Trương Thị C*) là nhằm giao tài sản thuộc sở hữu chung (*Cụ Đ, ông B, ông T và bà A*) cho ông Nguyễn T và ông Nguyễn B nhưng cụ Nguyễn Đ lại quyết định tặng cho ông M (*theo lời khai của ông Nguyễn Thùy M*) là không phù hợp với ý chí của các đồng sở hữu tài sản tranh chấp và không đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp Cụ Đ tặng cho bị đơn diện tích đất tranh chấp như “*Bản xác lập*” ngày 18/9/1997 thì việc tặng cho cũng bị vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật dân sự năm 1995 và Điều 123 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bên cạnh đó, qua xem xét việc ông M đứng tên tại sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất và hồ sơ công nhận quyền sử dụng đất của bị đơn Nguyễn Thùy M theo Quyết định số 598/QĐ-CT ngày 28/3/1998 và hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m² ngày 30/8/2006, cho thấy cơ quan có thẩm quyền chỉ căn cứ vào đơn xin công nhận quyền sử dụng đất của ông M cùng “*Bản xác lập*” đề ngày 18/9/1997 do ông M lập ra như đã nêu trên; không có các tài liệu giấy tờ thể hiện cụ Nguyễn Đ đã tặng cho bị đơn Nguyễn Thùy M diện tích đất tranh chấp và sự thống nhất của những người thừa kế di sản của cụ Trương Thị C. Vì vậy, việc đứng tên tại hồ sơ địa chính, việc công nhận và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 214643 ngày 30/8/2006 cho ông M, bà H đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m² của UBND thành phố Q là không đúng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào văn bản “*Bản xác lập*” ngày 18/9/1997 như đã nhận định trên, cùng với việc ông M sống chung với cụ Đ; việc tu sửa nhà của cụ Đ, cụ C khi cụ Đ còn sống; việc ông M xây dựng nhà tạm, nhà kiên cố (*cấp III*) vào năm 2009, là thời điểm sau khi cụ Đ chết (*1992*) và nhận định việc ông T, ông Nguyễn H biết ông M phá bỏ căn nhà cũ của vợ chồng cụ Đ để xây dựng nhà mới nhưng không phản đối, khiếu nại (*ông T và ông H cho rằng ông M xây dựng để giữ lại làm nơi thờ tự nên không phản đối, khiếu nại*) và việc ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để nhận định cho rằng cụ Đ đã định đoạt các thửa đất tranh chấp thừa kế cho bị đơn Nguyễn Thùy M quản lý, sử dụng; từ đó, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quang T là không phù hợp và làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[3] Trong lúc còn sống cụ Nguyễn Đ lập “*Bản chúc thư*”, được chính quyền địa phương chứng thực vào ngày 03/6/1953 và được toàn bộ các đồng thừa kế của cụ Trương Thị C là: Bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn B và ông Nguyễn T thống nhất ký tên vào “*Bản chúc thư*” ngày 03/6/1953. Ngoài di chúc là “*Bản chúc thư*” do cụ Nguyễn Đ lập ngày 03/6/1953; cụ Nguyễn Đ không còn di chúc nào khác nên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 619, 611, 624, 626, 630, 637 và Điều 643 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo nội dung di chúc ngày 03/6/1953: “*một khoảng vườn số hiệu 1448... một nửa mảnh vườn quy đông cho ông Nguyễn B và các con ông Nguyễn B, một nửa mảnh vườn quy Tây cho chú Nguyễn T.*”; thể hiện thửa đất số 391, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.500m² được chia cho ông Nguyễn T ½ diện tích phía Tây của thửa đất 391, tờ bản đồ số 02; ông Nguyễn B (*cha của bị đơn Nguyễn Thùy M, người liên quan Nguyễn H và nguyên đơn Nguyễn Quang T*) ½ diện tích phía Đ của thửa đất 391, tờ bản đồ số 02.

- Diện tích ½ thửa đất phía Tây của thửa đất 391, tờ bản đồ số 02 được chia cho ông Nguyễn T (*thửa đất số 161, tờ bản đồ số 35, diện tích 823,5m²*), hiện gia đình ông Nguyễn T quản lý, sử dụng và các đương sự không có tranh chấp thừa kế nên không giải quyết.

- Diện tích ½ thửa đất phía Đ của thửa đất 391, tờ bản đồ số 02 được chia cho ông Nguyễn B là thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m² (*nay là thửa 3534, thửa 3663 và thửa 3664 đang tranh chấp chia thừa kế*). Tuy nhiên, cụ Nguyễn Đ chết vào năm 1992; ông Nguyễn B chết vào năm 1955 là đã chết trước cụ Nguyễn Đ. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Pháp lệnh về thừa kế và điểm a khoản 2 Điều 643 Bộ luật dân sự 2015 thì Bản chúc thư lập ngày 03/6/1953 không có hiệu lực và được chia theo pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 650 Bộ luật dân sự 2015.

[3.1] Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự 2015; diện tích đất 870m² của thửa đất 295, tờ bản đồ số 3 được chia thừa kế theo pháp luật cho bà Nguyễn Thị A (*chết năm 2014*), ông Nguyễn T (*chết năm 2015*) và những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn B (*chết năm 1955*) là ông Nguyễn Thùy M, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Quang T.

Tuy nhiên, “*Bản xác lập*” đề ngày 18/9/1997 được ông Nguyễn T ký thống nhất là đã thể hiện ý chí giao kỷ phần được hưởng của ông Nguyễn T cho bị đơn Nguyễn Thùy M nên ông M được hưởng kỷ phần của ông Nguyễn T. Bà Nguyễn Thị A không ký vào “*Bản xác lập*” đề ngày 18/9/1997 và các con bà A không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế phần di sản mà bà A được hưởng. Do đó, kỷ phần của bà A được hưởng sẽ được chia cho những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn B là ông Nguyễn Thùy M, ông Nguyễn H, ông Nguyễn Quang T.

[3.2] Bị đơn ông Nguyễn Thùy M cùng sinh sống, chăm sóc cụ Nguyễn Đ đến khi cụ Đ chết và có công sức giữ gìn, bảo quản di sản sau khi cụ Đ chết nên ngoài việc tính công sức cho ông Nguyễn Thùy M đối với thửa đất số 3533, tờ

bản đồ số 3, diện tích 167,79m² mà ông M đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thái B. HĐXX phúc thẩm trích thêm 10% diện tích đất tranh chấp chia thừa kế cho ông Nguyễn Thùy M cho phù hợp với công sức của ông M; cụ thể:

Tổng diện tích của các thửa đất số 3534 (đo đạc thực tế là 134,2m²), 3663 (đo đạc thực tế là 426,6m²) và 3664 (đo đạc thực tế là 115m²) cùng tờ bản đồ số 3, phường N là 675,8m² X 10% = **67,58m²**.

[3.3] Diện tích đất còn lại để phân chia thừa kế là: 675,8m² - 67,58m² = 608,22m² và mỗi suất thừa kế được chia theo pháp luật (ông T, bà A, ông B) là 608,22m²: 3 = **202,74m²**.

Như vậy, theo như đã nhận định trên [3.1], [3.2]; Diện tích đất tranh chấp thừa kế 675,8m², được xác định như sau:

- Ông Nguyễn Thùy M được hưởng: 67,58m² (công sức) + 202,74m² (kỷ phần ông Nguyễn T) + 135,16m² (405,48m²: 3) = **405,48m²**.

- Ông Nguyễn H được hưởng: **135,16m²**

- Ông Nguyễn Quang T được hưởng: **135,16m²**

[4] Về yêu cầu chia hiện vật:

[4.1] Xét yêu cầu chia hiện vật để có nơi thờ cúng tổ tiên của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T là chính đáng và nên HĐXX cấp phúc thẩm giao cho ông T quản lý, sử dụng **141,2m²** (loại đất ở đô thị); trong đó: Phần diện tích đất của thửa số 3664 là 75,9m² và phần diện tích đất của thửa số 3663 là 65,3m² cùng tờ bản đồ số 3, phường N (phần có nhà tạm để giữ xe của ông M); được giới hạn theo các điểm ABCD của bản đồ địa chính khu đất tranh chấp của Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi đo vẽ ngày 07/9/2022.

Ông T được quyền sở hữu các tài sản, cây cối của gia đình ông M trên diện tích đất **141,2m²** được giao nêu trên và có có nghĩa vụ bồi trả giá trị tài sản, cây cối cho ông M; ông T có trách nhiệm bồi trả giá trị đất chênh lệch được hưởng cho ông Nguyễn H và giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Thùy M (theo chứng thư thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá Đất Việt ngày 17/6/2021); cụ thể như sau:

+ Giá trị đất ông T có trách nhiệm bồi trả cho ông Nguyễn H (6,04m² (141,2m² - 135,16m²) X 12.768.000 đồng/m²) là **77.119.000 đồng**.

+ Ông T có trách nhiệm bồi trả giá trị cây cối, vật kiến trúc trên đất cho ông Nguyễn Thùy M (nhà giữ xe 33.549.120 đồng + sân bê tông 973.440 đồng + 01 giếng đào 8.685.600 đồng + cây đào tiên, cây duối, cây cau...4.280.000 đồng) là **47.488.160 đồng**.

(có bản đồ địa chính khu đất của Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi đo vẽ ngày 07/9/2022 kèm theo bản án).

[4.2] Phần diện tích còn lại của các thửa đất 3534, 3663 và 3664, tờ bản đồ số 03, phường N, thành phố Q là **534,6m²** (675,8m² - 141,2m²) đang có nhà ở

của gia đình ông M nên giao ông Nguyễn Thùy M quản lý, sử dụng; ông M có nghĩa vụ bồi trả giá trị cho ông Nguyễn H.

[4.3] Ông Nguyễn H có yêu cầu chia hiện vật nhưng ông H không có yêu cầu độc lập. Hơn nữa, diện tích đất còn lại sau khi chia giao cho ông Nguyễn Quang T là nhà ở, công trình phụ kiên cố (*nhà cấp III*) của gia đình ông Nguyễn Thùy M nên ông H được bồi trả giá trị đất được hưởng là: $135,16m^2 \times 12.768.000 \text{ đồng}/m^2 = 1.725.723.000 \text{ đồng}$. Trong đó:

- Ông Nguyễn Quang T bồi trả là **77.119.000 đồng**.

- Ông Nguyễn Thùy M bồi trả là **1.648.604.000 đồng**.

[5] Như đã nhận định tại mục [2.2] trên và ông Nguyễn Thùy M được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi công nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 598/QĐ-CT ngày 28/3/1998 và UBND thành phố Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất: Thửa đất số 3663, 3534, 3664, tờ bản đồ số 03, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là không đúng quy định của pháp luật và cần phải hủy. Tuy nhiên, thửa đất số 3534 đã được HĐXX cấp phúc thẩm giao cho ông M nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 415663 ngày 24/6/2009 của UBND thành phố Q đứng tên ông M, bà H. Do đó, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang T về yêu cầu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 (hai) thửa đất số 3663 và số 3664 cùng tờ bản đồ số 3 phường N, thành phố Q.

Ông Nguyễn Quang T, ông M và bà H có trách nhiệm lập thủ tục và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được nhận theo quy định của pháp luật.

[6] Từ các phân tích nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang T và sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên sửa lại án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng cho phù hợp và ông Nguyễn Quang T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang T và sửa bản án sơ thẩm;

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 128 Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 23 Pháp lệnh về thừa kế; điểm c, khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; các Điều 123, 619, 611, 624, 626, 630, 637, 643, điểm a khoản 2 Điều 643, điểm b khoản 2 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Quang T về các yêu cầu sau đây:

- Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 295, tờ bản đồ số 3, phường N, thành phố Q nay là các thửa đất số 3534 (đo đạc thực tế là $134,2m^2$), số 3663 (đo đạc thực tế là $426,6m^2$) và số 3664 (đo đạc thực tế là $115m^2$) cùng tờ bản đồ số 3 phường N, thành phố Q cho ba đồng thừa kế là ông Nguyễn Thùy M, ông Nguyễn H và ông Nguyễn Quang T.

- Hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 910292 và số AP 910293 cùng ngày 07/12/2009 của UBND thành phố Q đối với 02 thửa đất số 3663, 3664 cùng tờ bản đồ số 3 phường N, đứng tên ông Nguyễn Thùy M và bà Mai Thị Lệ H.

2/ Về chia thừa kế:

- Ông Nguyễn Quang T được hưởng thừa kế diện tích đất **135,16m²**:

+ Giao cho ông T quản lý, sử dụng diện tích đất **141,2m²** (loại đất ở đô thị); trong đó: Phần diện tích đất của thửa số 3664 là **75,9m²** và phần diện tích đất của thửa số 3663 là $65,3m^2$ cùng tờ bản đồ số 3, phường N (phần có nhà tạm để giữ xe của ông M); diện tích đất **141,2m²** được giới hạn theo các điểm ABCD của bản đồ địa chính khu đất tranh chấp của Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi đo vẽ ngày 07/9/2022.

+ Ông T được quyền sở hữu các tài sản, cây cối của gia đình ông M trên diện tích đất **141,2m²** được giao nêu trên và ông T có trách nhiệm bồi trả giá trị đất chênh lệch được hưởng cho ông Nguyễn H ($141,2m^2 - 135,16m^2$) là **77.119.000 đồng**; bồi trả giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Thùy M là **47.488.160 đồng**.

- Ông Nguyễn Thùy M được hưởng thừa kế diện tích đất **405,48m²**.

Giao ông Nguyễn Thùy M quản lý, sử dụng diện tích thửa đất số 3534 và diện tích còn lại của các thửa đất số 3663 và số 3664, tờ bản đồ số 03, phường N, thành phố Q là **534,6m²** (trừ diện tích đất giới hạn các điểm ABCD = $141,2m^2$ đã giao cho ông Nguyễn Quang T); ông M có nghĩa vụ bồi trả giá trị cho ông Nguyễn H số tiền **1.648.604.000 đồng** và được nhận giá trị bồi trả tài sản trên đất của ông T là **47.488.160 đồng**.

(có bản đồ địa chính của Trung tâm trắc địa và quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi đo vẽ ngày 07/9/2022 kèm theo)

- Ông Nguyễn H được hưởng thừa kế diện tích đất **135,16m²**, có giá trị là 1.725.723.000 đồng. Trong đó:

+ Ông Nguyễn Quang T có nghĩa vụ bồi trả cho ông Nguyễn H là **77.119.000 đồng**.

+ Ông Nguyễn Thùy M có nghĩa vụ bồi trả cho ông Nguyễn H là **1.648.604.000 đồng**.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Quang T; ông M và bà H có trách nhiệm lập thủ tục và liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia thừa kê nêu trên theo quy định của pháp luật.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang T được miễn.
- Ông Nguyễn Thùy M phải chịu 123.700.000 đồng.
- Ông Nguyễn H phải chịu 63.700.000 đồng.

4/ Chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Quang T phải chịu 4.850.000 đồng..
- Ông Nguyễn Thùy M phải chịu 8.500.000 đồng.
- Ông Nguyễn H phải chịu 4.850.000 đồng.

Ông Nguyễn Quang T đã nộp xong. Do đó, ông Nguyễn Thùy M phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền 8.500.000 đồng; ông Nguyễn H phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Quang T số tiền 4.850.000 đồng .

5/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang T được miễn.

6/ Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T về việc yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 3533, tờ bản đồ số 3, diện tích 167,79m²; về quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh